

DỰ KIẾN KINH PHÍ CHI BỒI DƯỠNG THỰC HIỆN NHIỆM VỤ CỦA HÒA GIẢI VIÊN LAO ĐỘNG HÀNG NĂM

Số TT	Tên ĐVHC cấp xã mới	Số lượng DN	Số Lao động	Chi phí bồi dưỡng thực hiện nhiệm vụ hòa giải của Hòa giải viên lao động				
				Dự kiến số vụ yêu cầu giải quyết tranh chấp (vụ)	Dự kiến thời gian giải quyết tranh chấp lao động (ngày)	Dự kiến số lượng Hòa giải viên lao động thực hiện nhiệm vụ hòa giải (01 người/01 vụ)	Mức tiền lương tối thiểu vùng bình quân các vùng theo ND 293/2025/ND-CP ngày 10/11/2025 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2026	Tổng mức chi bồi dưỡng công thực hiện hòa giải tranh chấp (đồng)
1	2	3	4	5	6	7	8	9= (5x6x7x9)x5%
I	Cấp tỉnh							6.705.000
	Sở Nội vụ (chỉ thực hiện đối với các vụ việc phức tạp, có liên quan đến nhiều địa bàn hoạt động của doanh nghiệp)	14.000	271.000	15	2	1	4.470.000	6.705.000
II	Cấp xã							182.376.000
1	Xã Nhơn Châu	5	30	1	2	1	4.470.000	447.000
2	Phường Quy Nhơn	1.858	33.447	20	2	1	4.470.000	8.940.000
3	Phường Quy Nhơn Đông	557	13.693	15	2	1	4.470.000	6.705.000
4	Phường Quy Nhơn Tây	283	15.285	15	2	1	4.470.000	6.705.000
5	Phường Quy Nhơn Nam	1.662	35.023	20	2	1	4.470.000	8.940.000
6	Phường Quy Nhơn Bắc	696	17.717	10	2	1	4.470.000	4.470.000
7	Xã An Nhơn Tây	57	744	2	2	1	4.470.000	894.000
8	Phường Bình Định	269	7.284	5	2	1	4.470.000	2.235.000
9	Phường An Nhơn	194	2.477	5	2	1	4.470.000	2.235.000
10	Phường An Nhơn Đông	112	1.226	3	2	1	4.470.000	1.341.000
11	Phường An Nhơn Nam	160	5.583	5	2	1	4.470.000	2.235.000
12	Phường An Nhơn Bắc	61	969	2	2	1	4.470.000	894.000
13	Phường Bồng Sơn	201	4.168	5	2	1	4.470.000	2.235.000
14	Phường Hoài Nhơn	94	1.685	3	2	1	4.470.000	1.341.000
15	Phường Tam Quan	87	4.801	5	2	1	4.470.000	2.235.000
16	Phường Hoài Nhơn Đông	39	7.698	5	2	1	4.470.000	2.235.000
17	Phường Hoài Nhơn Tây	56	605	3	2	1	4.470.000	1.341.000

18	Phường Hoài Nhơn Nam	83	1.520	3	2	1	4.470.000	1.341.000
19	Phường Hoài Nhơn Bắc	111	1.595	3	2	1	4.470.000	1.341.000
20	Xã Phù Cát	197	5.383	5	2	1	4.470.000	2.235.000
21	Xã Xuân An	40	1.909	3	2	1	4.470.000	1.341.000
22	Xã Ngô Mỹ	24	152	2	2	1	4.470.000	894.000
23	Xã Cát Tiến	70	575	2	2	1	4.470.000	894.000
24	Xã Đề Gi	57	681	2	2	1	4.470.000	894.000
25	Xã Hòa Hội	55	2.221	3	2	1	4.470.000	1.341.000
26	Xã Hội Sơn	10	585	2	2	1	4.470.000	894.000
27	Xã Phù Mỹ	94	1.399	3	2	1	4.470.000	1.341.000
28	Xã An Lương	38	309	2	2	1	4.470.000	894.000
29	Xã Bình Dương	82	1.201	3	2	1	4.470.000	1.341.000
30	Xã Phù Mỹ Đông	42	691	2	2	1	4.470.000	894.000
31	Xã Phù Mỹ Tây	16	127	2	2	1	4.470.000	894.000
32	Xã Phù Mỹ Nam	39	987	2	2	1	4.470.000	894.000
33	Xã Phù Mỹ Bắc	27	190	2	2	1	4.470.000	894.000
34	Xã Tuy Phước	386	4.544	5	2	1	4.470.000	2.235.000
35	Xã Tuy Phước Đông	99	1.376	3	2	1	4.470.000	1.341.000
36	Xã Tuy Phước Tây	120	3.080	3	2	1	4.470.000	1.341.000
37	Xã Tuy Phước Bắc	63	599	2	2	1	4.470.000	894.000
38	Xã Tây Sơn	259	6.001	5	2	1	4.470.000	2.235.000
39	Xã Bình Khê	34	635	2	2	1	4.470.000	894.000
40	Xã Bình Phú	30	391	2	2	1	4.470.000	894.000
41	Xã Bình Hiệp	34	478	2	2	1	4.470.000	894.000
42	Xã Bình An	55	762	2	2	1	4.470.000	894.000
43	Xã Hoài Ân	71	1.552	3	2	1	4.470.000	1.341.000
44	Xã Ân Tường	24	264	2	2	1	4.470.000	894.000
45	Xã Kim Sơn	11	70	1	2	1	4.470.000	447.000
46	Xã Vạn Đức	12	161	2	2	1	4.470.000	894.000
47	Xã Ân Hảo	25	247	2	2	1	4.470.000	894.000
48	Xã Canh Liên			1	2	1	4.470.000	447.000
49	Xã Vân Canh	37	709	3	2	1	4.470.000	1.341.000
50	Xã Canh Vinh	47	3.764	3	2	1	4.470.000	1.341.000
51	Xã Vĩnh Thạnh	49	479	2	2	1	4.470.000	894.000
52	Xã Vĩnh Thịnh	5	29	2	2	1	4.470.000	894.000
53	Xã Vĩnh Quang	17	280	2	2	1	4.470.000	894.000
54	Xã Vĩnh Sơn	5	99	2	2	1	4.470.000	894.000
55	Xã An Hòa	64	415	2	2	1	4.470.000	894.000
56	Xã An Lão	34	430	2	2	1	4.470.000	894.000

57	Xã An Vinh	1	10	2	2	1	4.470.000	894.000
58	Xã An Toàn	1	10	2	2	1	4.470.000	894.000
59	Phường Pleiku	1.326	12.004	10	2	1	4.470.000	4.470.000
60	Phường Hội Phú	603	3.877	5	2	1	4.470.000	2.235.000
61	Phường Thống Nhất	506	23.635	10	2	1	4.470.000	4.470.000
62	Phường Diên Hồng	830	6.872	5	2	1	4.470.000	2.235.000
63	Phường An Phú	291	2.379	4	2	1	4.470.000	1.788.000
64	Xã Biển Hồ	86	1.354	3	2	1	4.470.000	1.341.000
65	Xã Gào	34	154	2	2	1	4.470.000	894.000
66	Phường An Khê	226	1.105	3	2	1	4.470.000	1.341.000
67	Phường An Bình	40	254	2	2	1	4.470.000	894.000
68	Xã Cửu An	13	78	2	2	1	4.470.000	894.000
69	Phường Ayun Pa	93	941	2	2	1	4.470.000	894.000
70	Xã Ia Rbol	3	25	2	2	1	4.470.000	894.000
71	Xã Ia Sao	11	30	2	2	1	4.470.000	894.000
72	Xã Phú Thiện	61	269	2	2	1	4.470.000	894.000
73	Xã Chư A Thai	17	86	2	2	1	4.470.000	894.000
74	Xã Ia Hiao	10	44	2	2	1	4.470.000	894.000
75	Xã Ia Ly	15	114	2	2	1	4.470.000	894.000
76	Xã Chư Pah	52	331	2	2	1	4.470.000	894.000
77	Xã Ia Khuol	19	192	2	2	1	4.470.000	894.000
78	Xã Ia Phí	11	40	2	2	1	4.470.000	894.000
79	Xã Chư Prông	98	583	2	2	1	4.470.000	894.000
80	Xã Bàu Cạn	34	473	2	2	1	4.470.000	894.000
81	Xã Ia Boong	12	38	2	2	1	4.470.000	894.000
82	Xã Ia Lâu	32	106	2	2	1	4.470.000	894.000
83	Xã Ia Pia	18	188	2	2	1	4.470.000	894.000
84	Xã Ia Tôr	45	405	2	2	1	4.470.000	894.000
85	Xã Chư Sê	249	1.936	3	2	1	4.470.000	1.341.000
86	Xã Bờ Ngoong	13	55	2	2	1	4.470.000	894.000
87	Xã Ia Ko	14	57	2	2	1	4.470.000	894.000
88	Xã Al Bá	11	35	2	2	1	4.470.000	894.000
89	Xã Chư Puh	74	328	2	2	1	4.470.000	894.000
90	Xã Ia Le	22	115	2	2	1	4.470.000	894.000
91	Xã Ia Hnú	17	146	2	2	1	4.470.000	894.000
92	Xã Đak Pơ	19	69	2	2	1	4.470.000	894.000
93	Xã Ya Hội	16	65	2	2	1	4.470.000	894.000
94	Xã Kbang	77	566	2	2	1	4.470.000	894.000

95	Xã Kông Bơ La	9	47	2	2	1	4.470.000	894.000
96	Xã Tơ Tung	5	27	2	2	1	4.470.000	894.000
97	Xã Sơn Lang	12	96	2	2	1	4.470.000	894.000
98	Xã Đak Rong	1	3	2	2	1	4.470.000	894.000
99	Xã Kông Chro	59	284	2	2	1	4.470.000	894.000
100	Xã Ya Ma	7	80	2	2	1	4.470.000	894.000
101	Xã Chư Krey	5	28	2	2	1	4.470.000	894.000
102	Xã SRó	2	8	2	2	1	4.470.000	894.000
103	Xã Đăk Song			1	2	1	4.470.000	447.000
104	Xã Chơ Long	4	19	2	2	1	4.470.000	894.000
105	Xã Pờ Tó	30	114	2	2	1	4.470.000	894.000
106	Xã Ia Pa	18	66	2	2	1	4.470.000	894.000
107	Xã Ia Tul	6	24	2	2	1	4.470.000	894.000
108	Xã Phú Túc	57	295	2	2	1	4.470.000	894.000
109	Xã Ia Hderh	8	27	2	2	1	4.470.000	894.000
110	Xã Ia Rsai	31	104	2	2	1	4.470.000	894.000
111	Xã Uar	23	81	2	2	1	4.470.000	894.000
112	Xã Đak Đoa	112	3.970	5	2	1	4.470.000	2.235.000
113	Xã Kon Gang	21	87	2	2	1	4.470.000	894.000
114	Xã Ia Bằng	24	230	2	2	1	4.470.000	894.000
115	Xã Kdang	24	116	2	2	1	4.470.000	894.000
116	Xã Đak Somei	3	10	2	2	1	4.470.000	894.000
117	Xã Mang Yang	98	440	2	2	1	4.470.000	894.000
118	Xã Lơ Pang	16	52	2	2	1	4.470.000	894.000
119	Xã Kon Chiêng	11	33	2	2	1	4.470.000	894.000
120	Xã Hra	13	64	2	2	1	4.470.000	894.000
121	Xã Ayun	4	13	2	2	1	4.470.000	894.000
122	Xã Ia Grai	67	377	2	2	1	4.470.000	894.000
123	Xã Ia Krái	39	485	2	2	1	4.470.000	894.000
124	Xã Ia Hrun	96	2.660	5	2	1	4.470.000	2.235.000
125	Xã Đức Cơ	75	341	2	2	1	4.470.000	894.000
126	Xã Ia Đok	10	3.307	5	2	1	4.470.000	2.235.000
127	Xã Ia Krêl	19	86	2	2	1	4.470.000	894.000
128	Xã Ia O			1	2	1	4.470.000	447.000
129	Xã Ia Púch			1	2	1	4.470.000	447.000
130	Xã Ia Mơ			1	2	1	4.470.000	447.000
131	Xã Ia Pnôn	2	6	2	2	1	4.470.000	894.000

132	Xã Ia Nan	8	183	2	2	1	4.470.000	894.000
133	Xã Ia Dom	39	226	2	2	1	4.470.000	894.000
134	Xã Ia Chia			1	2	1	4.470.000	447.000
135	Xã Krong			1	2	1	4.470.000	447.000
	Tổng cộng			408	270	135		189.081.000